TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 54/2024/DS-ST Ngày 19-8-2024 V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty C; Trụ sở chính: 128 N, Phường B, Thành phố V, Tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lam T; địa chỉ: Số 47 Lê Hồng Phong, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy ủy quyền số: 447/2024/UQ-SVN, ngày 01-02-2024 (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị N; Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2024, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lam T trình bày:

Vào ngày 13 tháng 10 năm 2023 chị Trần Thị N có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Srisawad Việt Nam - chi nhánh Sóc Trăng (nay là Công Ty C) để ký hợp đồng cầm cố tài sản theo hợp đồng cầm cố số : STM231001015NA22X được ký ngày 13 tháng 10 năm 2023 theo hợp đồng cầm cố tài sản thì chị Trần Thị N có cầm cố tài sản là: 01 xe môtô hai bánh BKS 83M1-117.21, loại xe HONDA SH 125i màu trắng; số khung RLHJF9500NY142776, số máy JF95E0157858, số giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 000249. Công Ty C đã giao cho chị IL số tiền là 29.585.000 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng, với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Ngoài ra, chị Trần Thị N đã có Giấy ủy quyền lập ngày 13 tháng 10 năm 2023 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Srisawad Việt Nam - chi nhánh Sóc Trăng (nay là nên Công Ty C) với nội dung, bên A chị IL) đồng ý uỷ quyền cho bên B (Công ty trách nhiệm hữu hạn Srisawad Việt Nam - chi nhánh Sóc Trăng (nay là Công Ty C) "quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng của tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc khai thác tài sản) xe môtô hai bánh BKS 83M1-117.21, loại xe HONDA SH 125i màu trắng; số khung RLHJF9500NY142776, số máy JF95E0157858, số giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 000249. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công Ty C có ký giấy mượn xe cho chị IL mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 13 tháng 10 năm 2023 đến ngày 13 tháng 11 năm 2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Sóc Trăng, nhưng đến nay chị IL vẫn không thực hiện đúng theo cam kết đã thoả thuận hai bên.

Theo đơn khởi kiện lập ngày 04 tháng 5 năm 2024 nguyên đơn Công Ty C yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản là 01 (một) xe môtô hai bánh BKS 83M1-117.21, loại xe HONDA SH 125i màu trắng; số khung RLHJF9500NY142776, số máy JF95E0157858, số giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 000249 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty, yêu cầu bị đơn trả các khoản phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thành toán và lãi phát phát sinh theo hợp đồng cầm cố. Nay nguyên đơn có đơn yêu cầu thay đổi rút lại tất cả các yêu cầu trên.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:
Buộc bà Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2024 là 21.685.045 đồng, trong đó: gốc: 20.342.444 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.342.601 đồng.

Đối với bị đơn chị Trần Thị N sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bị đơn chị Trần Thị N nhưng bị đơn chị Trần Thị N không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng bị đơn chị Trần Thị Nvẫn không tham gia.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2024 gốc và lãi là 21.685.045 đồng, trong đó: gốc: 20.342.444 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.342.601 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt (có đơn vắng mặt); Bị đơn chị Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn Công Ty C: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty C cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Công Ty C nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Công Ty C và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn thay đổi yêu cầu, nguyên đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử xét đối với tài sản là 01 xe môtô hai bánh BKS 83M1-117.21, loại xe HONDA SH 125i màu trắng; số khung RLHJF9500NY142776, số máy JF95E0157858, số giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 000249 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty, cùng với các khoản phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thành toán và lãi phát phát sinh theo hợp đồng cầm cố. Hội đồng xét xử thấy rằng việc

thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công Ty C khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thị N trả số tiền vay tính đến hết ngày 19 tháng 8 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố số: STM231001015NA22X được ký ngày 13 tháng 10 năm 2023 thì bị đơn chị Trần Thị N còn nợ số tiền gốc và tiền lãi trong hạn là: 21.685.045 đồng, trong đó: gốc: 20.342.444 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.342.601 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự "tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị N, có địa chỉ tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty C. Hội đồng xét xử thấy rằng theo hợp đồng cầm cố số: STM231001015NA22X được ký ngày 13 tháng 10 năm 2023 thì chị Trần Thị N có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 (một) xe môtô hai bánh BKS 83M1-117.21, loại xe HONDA SH 125i màu trắng; số khung RLHJF9500NY142776, số máy JF95E0157858, số giấy chứng nhận đăng ký xe môtô 000249. Công Ty C đã giao cho chị Trần Thị N số tiền 29.585.000 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn Công Ty C cung cấp được cho Tòa án hợp đồng cầm cố số: STM231001015NA22X được ký ngày 13 tháng 10 năm 2023 đều có chữ ký, chữ viết của bị đơn chị Trần Thị N. Đồng thời trong quá trình thực hiện hợp đồng chị Trần Thị N thanh toán cho nguyên đơn được 16.500.000 đồng (trong đó: gốc là 9.242.556 đồng; lãi trong hạn: 1.151.254 đồng; phí mượn xe: 4.615.260 đồng; phí quản lý hồ sơ: 570.253 đồng; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 920.677 đồng).

Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị Trần Thị N không trả tiền gốc cho nguyên đơn khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Trần Thị N có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn lại 20.342.444 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nên yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 20.342.444 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số: STM231001015NA22X được ký ngày 13 tháng 10 năm 2023, thời hạn cầm cố là 12 tháng, với mức lãi suất là 1,1%/ tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2024 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 19 tháng 8 năm 2024 đã quá hạn hợp đồng, chị IL vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết. Do đó, yêu cầu tính lãi nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ. Theo đó, căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01 tháng 10 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng số tiền dư nợ gốc và lãi mà chị Trần Thị N chưa thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2024 là: 21.685.045 đồng, trong đó: gốc: 20.342.444 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.342.601 đồng. Hội đồng xét xử buộc chị Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2024 số tiền gốc và tiền lãi là: 21.685.045 đồng, trong đó: gốc: 20.342.444 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.342.601 đồng.

Ngay sau khi chị Trần Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công Ty C có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của chị Trần Thị N đúng theo quy định hai bên đã ký kết theo hợp đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền là: 21.685.045 đồng x 5% = 1.084.252 đồng. Nguyên đơn Công Ty C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 311, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty C.

Buộc bị đơn chị Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công Ty C số tiền gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 19 tháng 8 năm 2024 là: 21.685.045 đồng, trong đó: gốc: 20.342.444 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.342.601 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn Công Ty C có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chị Trần Thị N chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn chị Trần Thị N còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công Ty C theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Ngay sau khi chị Trần Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Công Ty C có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của chị Trần Thị N, biển số đăng ký 83M1-117.21.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí số tiền 1.084.252 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công Ty C số tiền tạm ứng án phí 714.631 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003581 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng